

I. MỤC TIÊU ĐỀ KIỂM TRA

- Thu thập thông tin, đánh giá mức độ đạt được của quá trình dạy học (từ tuần 1 đến tuần 15) so với yêu cầu đạt chuẩn kiến thức, kĩ năng của chương trình giáo dục.
- Nắm bắt khả năng học tập, mức độ phân hóa về học lực của học sinh. Trên cơ sở đó, giáo viên có kế hoạch dạy học phù hợp với đối tượng học sinh nhằm nâng cao chất lượng dạy học môn Ngữ văn.

II. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA

- Hình thức: Trắc nghiệm kết hợp tự luận
- Cách thức: Kiểm tra trên lớp theo đề của trường

III. BẢNG ĐẶC TẢ VÀ MA TRẬN

Chủ đề (1)	MỨC ĐỘ (7)								Tổng số câu (6)		Điểm số (2)
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
- Xác định loại phản ứng.	1								C1		0,3
- S/xuất oxit quan trọng.	1								C2		0,3
- S/xuất bazo quan trọng	1								C3		0,3
- Phân bón hóa học	1								C4		0,3
- Hợp kim sắt	1								C5		0,3
- Tính chất của kim loại	1								C6		0,3
- DHĐHH kim loại	2								C7,C8		0,7
TCHH của Al, Fe	2								C9,10		0,7
- Sự ăn mòn kim loại	1								C11		0,3
- Tính chất của Clo	1								C12		0,3
- TCHH của Ca(OH)2			1						C13		0,3
- Xác định kim loại để tinh chế dd muối			1						C14		0,3
- TCVL của kim loại			1						C15		0,3
- TCHH của muối, bazơ, axit, kim loại, phi kim.				1 1/3a						C16 C17a	2,0
- Nêu hiện tượng và viết PTHH											
Tính toán						1/3b		1/3c		C17b,c	3,0
Câu	12		3	1+1/3a		1/3b		1/3c	15	2	17
Tổng số điểm	4,0 điểm		3,0 điểm		2,0điểm		1,0 điểm		17 câu		10 đ

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
Các loại hợp chất vô cơ	Nhận biết	- Xác định loại phản ứng. - Sản xuất oxit quan trọng. - Sản xuất bazo quan trọng - Phân bón hóa học - Hợp kim sắt - Tính chất của kim loại - Dãy hoạt động hóa học của kim loại - Tính chất hóa học của Al, Fe - Sự ăn mòn kim loại - Tính chất của Clo		1 1 1 1 1 1 2 4 1 1		C1 C2 C3 C4 C8 C9 C10,11 C12.13 C14 C15
	Thông hiểu	- Tính chất hóa học của Ca(OH)_2 - Xác định kim loại để tinh chế dd muối - Tính chất vật lý của kim loại - TCHH của muối, bazo, axit, kim loại, phi kim - Nêu hiện tượng và viết PTHH	1+1/3	1 1 1	C16+C17a	C13 C14 C15
	Vận dụng bậc thấp	- Tính khối lượng Oxit, axit, bazo, muối - Vận dụng được những tính chất của kim loại để làm các bài tập định tính và định lượng. - Tính thành phần % theo khối lượng mỗi chất trong hỗn hợp ban đầu. - Tính khối lượng dung dịch axit cần dùng.	1/3		C17b	
	Vận dụng bậc cao	- Giải thích hiện tượng thực tế liên quan đến oxit bazo/bazo thường gặp - Tính C% của chất tan trong dung dịch sau phản ứng. - Tính C_M sau phản ứng	1/3		C17c	

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề này có 02 trang)

I. TRẮC NGHIỆM: (5,0 điểm) Chọn một phương án đúng cho mỗi câu hỏi.

Câu 1. Phản ứng giữa H_2SO_4 và $NaOH$ thuộc loại phản ứng

- A. thế. B. phân hủy. C. hóa hợp. D. trung hòa.

Câu 2. Đá vôi là nguyên liệu để sản xuất vôi sống trong công nghiệp. Thành phần hóa học chính của đá vôi là

- A. CaO . B. $CaCO_3$. C. $Ca(OH)_2$. D. $CaSO_3$.

Câu 3. Điện phân dung dịch muối ăn bão hòa (có màng ngăn) thu được sản phẩm là

- A. dung dịch $NaOH$ và khí Cl_2 , O_2 . B. Na_2O và khí H_2 , Cl_2 .
C. dung dịch $NaOH$ và khí H_2 , Cl_2 . D. dung dịch $NaOH$ và khí Cl_2 .

Câu 4. Phân bón nào sau đây thuộc loại phân bón đơn?

- A. NPK. B. $(NH_4)_2HPO_4$. C. $CO(NH_2)_2$. D. KNO_3 .

Câu 5. Gang là hợp kim của sắt với cacbon và một lượng nhỏ các nguyên tố khác như: Si, Mn, S, ..., trong đó hàm lượng cacbon chiếm

- A. dưới 2%. B. từ 2% đến 8%. C. từ 2% đến 5%. D. trên 8%.

Câu 6. Phản ứng giữa kim loại và phi kim (trừ oxi) tạo thành

- A. axit. B. bazơ. C. muối. D. oxit.

Câu 7. Kim loại nào hoạt động hóa học mạnh nhất trong số các kim loại sau?

- A. Fe. B. Cu. C. Au. D. Ag.

Câu 8. Kim loại Na phản ứng với nước ở nhiệt độ thường tạo thành

- A. kiềm và giải phóng khí hiđro. B. muối và giải phóng khí hiđro
C. bazơ không tan và giải phóng khí hiđro. D. oxit bazơ và khí hiđro.

Câu 9. Kim loại nào dưới đây tan được trong dung dịch kiềm?

- A. Fe. B. Al. C. Mg. D. Cu.

Câu 10. Kim loại nào sau đây có màu trắng bạc?

- A. Fe. B. Cu. C. Al. D. Au.

Câu 11. Thanh thép bị ăn mòn nhanh nhất khi được đặt trong điều kiện nào trong số các điều kiện sau đây?

- A. Không khí khô.
B. Phủ lớp mỡ bôi trơn trên bề mặt và đặt trong không khí ẩm.
C. Đặt trong bếp than được dùng để đun nấu thường xuyên.
D. Phủ lớp sơn trên bề mặt và đặt trong không khí ẩm.

Câu 12. Khí clo có màu

- A. nâu đỏ. B. trắng xanh. C. lục nhạt. D. vàng lục.

Câu 13. Để loại bỏ khí SO_2 có lẫn trong hỗn hợp với O_2 , có thể sục hỗn hợp qua lượng dư dung dịch của

- A. HCl . B. $Ca(OH)_2$. C. Na_2SO_4 . D. KCl .

Câu 14. Để tinh chế dung dịch $Cu(NO_3)_2$ có lẫn tạp chất $AgNO_3$, có thể dùng lượng dư kim loại

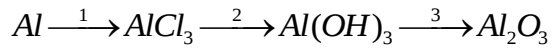
- A. Zn. B. Ag. C. Cu. D. Mg.

Câu 15. Người ta ứng dụng tính chất nào sau đây của kim loại để rèn, kéo sợi, dát mỏng kim loại tạo nên các đồ vật khác nhau?

- A. Tính dẻo. B. Tính dẫn nhiệt. C. Có ánh kim. D. Tính dẫn điện.

II. TỰ LUẬN: (5,0 điểm)

Câu 16. (1,5 điểm) Viết các phương trình hóa học thực hiện dãy chuyển hóa sau (mỗi mũi tên là 1 phương trình). Ghi rõ điều kiện (nếu có).



Câu 17. (3,5 điểm) Hòa tan 10,8 gam hỗn hợp X gồm Mg và MgO vào 100 gam dung dịch H_2SO_4 vừa đủ. Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được 4,48 lít khí (đktc).

- Viết phương trình hóa học của phản ứng xảy ra.
 - Tính thành phần phần trăm theo khối lượng mỗi chất trong hỗn hợp X.
 - Tính nồng độ phần trăm có trong dung dịch sau khi phản ứng kết thúc?
- Cho nguyên tử khối: $Mg = 24$; $O = 16$; $S = 32$; $H = 1$, $Fe = 56$.

-----Hết -----

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề này có 02 trang)

I. TRẮC NGHIỆM: (5,0 điểm) Chọn một phương án đúng cho mỗi câu hỏi.

Câu 1. Phản ứng giữa Zn và CuSO_4 thuộc loại phản ứng

- A. thế. B. phân hủy. C. hóa hợp. D. trung hòa.

Câu 2. Oxit nào dưới đây được dùng làm chất diệt nấm mốc?

- A. CaO . B. SO_2 . C. CO_2 . D. CuO .

Câu 3. Điện phân dung dịch muối ăn bão hòa (có màng ngăn) thu được khí

- A. H_2 , Cl_2 và O_2 . B. O_2 và Cl_2 . C. HCl và Cl_2 . D. H_2 và Cl_2 .

Câu 4. Phân bón nào sau đây thuộc loại phân bón kép?

- A. $\text{Ca}_3(\text{PO}_4)_2$. B. $(\text{NH}_4)_2\text{HPO}_4$. C. $\text{CO}(\text{NH}_2)_2$. D. K_2SO_4 .

Câu 5. Thép là hợp kim của sắt với cacbon và một số nguyên tố khác, trong đó hàm lượng cacbon chiếm

- A. trên 2%. B. dưới 2%. C. từ 2% đến 5%. D. trên 5%.

Câu 6. Phản ứng giữa kim loại và khí oxi tạo thành

- A. axit. B. bazơ. C. muối. D. oxit.

Câu 7. Kim loại nào hoạt động hóa học mạnh nhất trong số các kim loại sau?

- A. Cu. B. Al. C. Ag. D. Fe.

Câu 8. Kim loại nào sau đây phản ứng mãnh liệt với nước ở nhiệt độ thường tạo thành dung dịch kiềm và giải phóng khí hiđro?

- A. Mg. B. Ag. C. K. D. Fe.

Câu 9: Kim loại nào dưới đây tan được trong dung dịch NaOH ?

- A. Mg. B. Ag. C. Al. D. Cu.

Câu 10. Bột nhôm cháy trong oxi tạo thành chất rắn màu gì?

- A. Nâu đỏ. B. Trắng. C. Vàng. D. Xanh

Câu 11. Đinh sắt để trong môi trường nào trong số các môi trường sau đây dễ bị ăn mòn nhất?

- A. Không khí khô.
B. Dung dịch muối ăn, có tiếp xúc với không khí.
C. Nước có hòa tan khí oxi (tiếp xúc với không khí).
D. Nước cất, không tiếp xúc với không khí.

Câu 12. Tính chất nào sau đây về khí clo là sai?

- A. Mùi hắc, khó chịu. B. Màu vàng lục.
C. Nhẹ hơn không khí. D. Độc.

Câu 13. Dẫn từ từ hỗn hợp khí gồm CO_2 , CO , SO_2 qua dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$ dư đến khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, khí thoát ra là

- A. CO . B. CO_2 . C. SO_2 . D. CO_2 và SO_2

Câu 14. Để tinh chế dung dịch FeSO_4 có lẫn tạp chất CuSO_4 , có thể dùng lượng dư kim loại

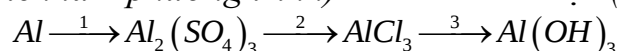
- A. Zn. B. Fe. C. Cu. D. Al.

Câu 15. Đuylơ là hợp kim của nhôm với đồng và một số nguyên tố như mangan, sắt, silic, được dùng trong công nghiệp chế tạo máy bay, ô tô, tàu vũ trụ do có tính chất nào sau đây?

- A. Dẫn điện tốt. B. Bền và nhẹ.
C. Khối lượng riêng lớn. D. Dẫn nhiệt tốt.

II. TỰ LUẬN: (5 điểm)

Câu 16. (1,5 điểm) Viết các phương trình hóa học thực hiện dãy chuyển hóa sau (mỗi mũi tên là 1 phương trình). Ghi rõ điều kiện (nếu có).



Câu 17. (3,5 điểm) Hòa tan 25,95 gam hỗn hợp X gồm Zn và ZnO vào 100 gam dung dịch HCl vừa đủ. Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được 3,36 lít khí (đktc).

- Viết phương trình hóa học của phản ứng xảy ra.
- Tính thành phần phần trăm theo khối lượng mỗi chất trong hỗn hợp X.
- Tính nồng độ phần trăm có trong dung dịch sau khi phản ứng kết thúc

$$Zn = 65; O = 16; Cl = 35,5; H = 1, Mg = 24$$

-----**Hết**-----



V. HƯỚNG DẪN CHẤM

Mã đề 1:

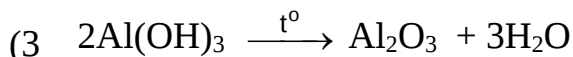
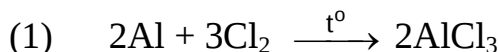
A. Trắc nghiệm: (5,0đ)

Chọn 1 câu đúng 0,3đ, 2 câu đúng 0,7 và 3 câu đúng 1,0đ.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Đáp án	D	B	C	C	C	C	A	A	B	C	C	D	B	C	A

B. Tự luận: (6,0đ)

Câu 16. (1,5đ) $Al \xrightarrow{1} AlCl_3 \xrightarrow{2} Al(OH)_3 \xrightarrow{3} Al_2O_3$

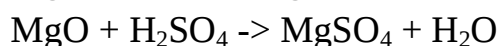
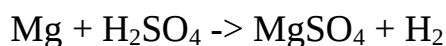


Mỗi phương trình hóa học đúng được 0,5 điểm, cân bằng sai, thiếu đk trừ 0,25 điểm/1 PT.

(Học sinh làm theo cách khác nếu đúng vẫn cho điểm tối đa).

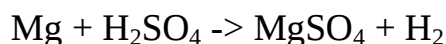
Câu 17: (3,5 điểm)

a. PTHH (0,5 điểm)



b. Thành phần % của Mg, MgO: (2,0 điểm)

Số mol của H_2 : $4,48; 22,4 = 0,2 \text{ mol}$ (0,5 điểm)



Mol 0,2 0,2 0,2 0,2 (0,5 điểm)

$$\%m_{Mg} = \frac{0,2 \times 24}{10,8} \times 100\% = 44,4\% (0,5đ)$$

$$\%m_{MgO} = 100\% - 44,4\% = 55,6\% (0,5đ)$$

c. C% chất tan sau phản ứng: (1,0 điểm)

khối lượng của MgO: $10,8 - (0,2 \times 24) = 6g$

Số mol của MgO: $6:40 = 0,15 \text{ mol}$ (0,25 điểm)



Mol 0,15 0,15 0,15 0,15 (0,25 điểm)

$$m_{\text{ddsauphng}} = (m_{\text{hh}} + m_{\text{dd}}) - = (10,8 + 100) - (0,2 \times 2) = 110,4 \text{ gam} (0,25 \text{ điểm})$$

$$C\%_{MgSO_4} = \frac{(0,2 + 0,15) \times 120}{110,4} \times 100\% = 38,04\% (0,25 \text{ điểm})$$

Lưu ý: Học sinh làm theo cách khác, nếu đúng, vẫn cho điểm tối đa.

.....Hết.....

Mã đề 2

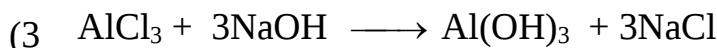
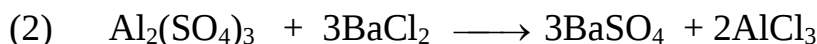
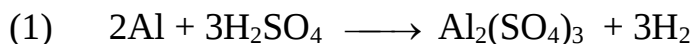
A. Trắc nghiệm: (5,0đ)

Chọn 1 câu đúng 0,3đ, 2 câu đúng 0,7 và 3 câu đúng 1,0đ.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Đáp án	A	B	D	B	B	D	B	C	C	B	B	C	A	B	B

B. Tự luận: (5,0đ)

Câu 16. (1,5đ) $Al \xrightarrow{1} Al_2(SO_4)_3 \xrightarrow{2} AlCl_3 \xrightarrow{3} Al(OH)_3$

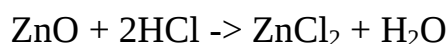
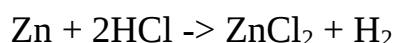


Mỗi phương trình hóa học đúng được 0,5 điểm, cân bằng sai trừ 0,25 điểm/1 PT.

(Học sinh làm theo cách khác nếu đúng vẫn cho điểm tối đa).

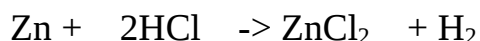
Câu 17: (3,5 điểm)

a. PTHH (0,5 điểm)



b. Thành phần % của Zn, ZnO: (2,0 điểm)

Số mol của H_2 : $3,36: 22,4 = 0,15 \text{ mol}$ (0,5 điểm)



Mol 0,15 0,3 0,15 0,15 (0,5 điểm)

$$\%m_{Zn} = \frac{0,15 \times 65}{25,95} \times 100\% = 37,6\% (0,5d)$$

$$\%m_{ZnO} = 100\% - 37,6\% = 62,4\% (0,5d)$$

c. C% chất tan sau phản ứng: (1,0 điểm)

khối lượng của ZnO: $25,95 - (0,15 \times 65) = 16,2g$

Số mol của ZnO: $16,2: 81 = 0,2 \text{ mol}$ (0,25 điểm)



Mol 0,2 0,4 0,2 0,2 (0,25 điểm)

$$m_{\text{ddsauphung}} = (m_{\text{hh}} + m_{\text{dd}}) - = (25,95 + 100) - (0,15 \times 2) = 125,65 \text{ gam} (0,25 \text{ điểm})$$

$$C\%_{ZnCl_2} = \frac{(0,15 + 0,2) \times 136}{125,65} \times 100\% = 37,88\% (0,25 \text{ điểm})$$

Lưu ý: Học sinh làm theo cách khác, nếu đúng, vẫn cho điểm tối đa.

.....Hết.....